

THÔNG TƯ

Quy định về việc bảo đảm kỹ thuật nhiên liệu hàng không

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Hàng không dân dụng Việt Nam năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 12/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học - Công nghệ và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về việc bảo đảm kỹ thuật nhiên liệu hàng không.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về yêu cầu kỹ thuật đối với nhiên liệu hàng không, hệ thống kho nhiên liệu hàng không, hệ thống tra nạp nhiên liệu hàng không ngầm, phương tiện vận chuyển nhiên liệu hàng không, phương tiện tra nạp, hút nhiên liệu hàng không và công tác vận hành hệ thống nhiên liệu hàng không đảm bảo an toàn chất lượng trong cung ứng nhiên liệu hàng không dân dụng tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc bảo đảm kỹ thuật và vận hành hệ thống nhiên liệu hàng không tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ, chữ viết tắt

1. Nhiên liệu hàng không: là nhiên liệu dùng cho tàu bay sử dụng lực đẩy của động cơ và cánh quạt. Nhiên liệu hàng không gồm nhiên liệu phản lực dùng cho tàu bay có động cơ tuốc bin phản lực, tuốc bin cánh quạt và xăng tàu bay sử dụng cho tàu bay có động cơ đốt trong.

2. Kho nhiên liệu hàng không: là nơi tiếp nhận, bảo quản, cấp phát nhiên liệu hàng không. Theo chức năng, kho nhiên liệu hàng không được phân làm ba loại: kho nhà máy lọc dầu, kho đầu nguồn, kho trung chuyển và kho sân bay.

a) Kho nhà máy lọc dầu: là nơi tiếp nhận, tồn chứa, pha chế, cấp phát nhiên liệu hàng không thành phẩm để cung cấp nguồn hàng cho kho đầu nguồn, kho trung chuyển hoặc kho sân bay.

b) Kho đầu nguồn, kho trung chuyển: là nơi tiếp nhận, bảo quản, cấp phát nhiên liệu hàng không để cung cấp nguồn hàng cho kho sân bay. Phụ thuộc vào vị trí địa lý, kho đầu nguồn, kho trung chuyển được thiết kế để tiếp nhận nhiên liệu bằng đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt, đường bộ hoặc đường ống.

c) Kho sân bay: là nơi tiếp nhận, bảo quản nhiên liệu hàng không để trực tiếp tra nạp cho tàu bay của các hãng hàng không hoạt động tại sân bay.

3. Thiết bị lọc nhiên liệu hàng không

a) Thiết bị lọc, tách: là thiết bị lọc có hai giai đoạn để loại bỏ tạp chất và nước. Giai đoạn đầu tiên (kết tụ) loại bỏ tạp chất, kết tụ nước và loại nước kết tụ ra khỏi nhiên liệu hàng không; giai đoạn thứ hai (phân tách) ngăn cho chúng đi theo dòng nhiên liệu hàng không và những giọt nước này sẽ được lắng xuống rón thiết bị lọc khi để lắng, ổn định.

b) Thiết bị lọc hấp thụ: là thiết bị lọc có chứa các lõi lọc hấp thụ nước. Các lõi lọc này liên tục loại bỏ tạp chất và nước tự do trong nhiên liệu hàng không. Với chương trình bảo dưỡng phù hợp, lọc hấp thụ sẽ ngắt dòng nếu mức nước tự do hoặc các tạp chất trong hệ thống nhiên liệu hàng không vượt giới hạn cho phép.

c) Thiết bị lọc tinh: là thiết bị được thiết kế để loại bỏ các tạp chất thể rắn ra khỏi nhiên liệu hàng không thường được sử dụng trước thiết bị lọc ngưng tách (FWS) trong môi trường bụi bẩn cao để kéo dài tuổi thọ của các lõi lọc FWS.

4. Phương tiện tra nạp nhiên liệu hàng không: là các phương tiện di động hoặc phương tiện cố định được sử dụng để chuyển nhiên liệu hàng không đến tàu bay.

Phương tiện tra nạp nhiên liệu hàng không bao gồm:

a) Xe tra nạp: là xe ô tô chuyên dụng, lắp xi téc chở nhiên liệu hàng không và được lắp đặt hệ thống công nghệ thích hợp, để tra nạp nhiên liệu hàng không cho tàu bay hoặc hút nhiên liệu hàng không từ tàu bay;

b) Ca bin tra nạp: là thiết bị tra nạp đặt cố định trên mặt đất có lắp ống tra nạp, các đồng hồ đo lưu lượng và thiết bị phụ trợ.

c) Thiết bị tra nạp đường ống ngầm: là thiết bị di động được sử dụng để vận chuyển nhiên liệu hàng không từ hệ thống ngầm đến tàu bay, còn được gọi là xe truyền tiếp nhiên liệu tự hành, xe kéo truyền tiếp liệu.

5. Bộ điều khiển cầm tay: là thiết bị điều khiển bằng tay, dùng để khởi động dòng chảy của sản phẩm và tự động ngắt dòng nếu bộ điều khiển cầm tay được nhả ra. Thiết bị này có thể được trang bị một tính năng ngắt quãng được nhả ra trong khoảng thời gian đều đặn để ngăn ngừa bộ điều khiển cầm tay làm ngừng tra nạp.

6. Thiết bị dừng khẩn cấp (ESD)

a) Thiết bị dừng khẩn cấp trên xe tra nạp: là thiết bị để dừng bơm hệ thống nhiên liệu hàng không trên xe tra nạp khi được kích hoạt. Thiết bị dừng khẩn cấp được đặt tại vị trí dễ quan sát, dễ tiếp cận từ cả hai phía của xe và trên sàn công tác.

b) Thiết bị dừng khẩn cấp hệ thống tra nạp ngầm: là các nút bấm ngắt khẩn cấp (ESB) được đặt gần (trong vòng 80m) khu vực tra nạp nhiên liệu. Các nút này được bố trí để dễ quan sát và dễ tiếp cận.

c) Thiết bị dừng khẩn cấp tại kho nhiên liệu hàng không: là các nút bấm hoặc công tắc dừng khẩn cấp toàn bộ hệ thống vận hành nhiên liệu hàng không tại kho (bơm, van...). Các nút hoặc công tắc này được bố trí đảm bảo dễ quan sát và dễ tiếp cận.

7. Khóa liên động: là thiết bị an toàn trên phương tiện tra nạp để ngăn phương tiện chuyển động.

8. Hệ thống tra nạp ngầm: là hệ thống cho phép nhiên liệu hàng không được bơm trực tiếp từ kho sân bay qua đường ống công nghệ, xe truyền tiếp liệu đến sân đỗ để

tra nạp số lượng lớn nhiên liệu cho tàu bay.

9. Phương tiện vận chuyển nhiên liệu hàng không: là các loại phương tiện vận tải, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đối với phương tiện vận chuyển nhiên liệu hàng không như tàu, xà lan, ô tô xi téc, xi téc đường sắt, hệ thống đường ống.

10. Tổ chức kiểm tra chung (JIG - Joint Inspection Group): là tổ chức của các đơn vị cung ứng xăng dầu quốc tế. Tổ chức này được thành lập nhằm mục đích đưa ra tiêu chuẩn chung liên quan đến trang thiết bị kho bể, phương tiện tra nạp và kiểm soát chất lượng nhiên liệu hàng không.

11. Yêu cầu chất lượng nhiên liệu hàng không dùng cho hệ thống hoạt động chung: là các yêu cầu chất lượng nhiên liệu hàng không dùng cho hệ thống hoạt động chung do tổ chức kiểm tra chung xây dựng dựa trên các yêu cầu nghiêm ngặt của hai tiêu chuẩn gồm British Ministry of Defence Standard DEF STAN 91-091 và ASTM Standard Specification D1655.

12. Chứng nhận xuất hàng: là chứng nhận xác nhận sự phù hợp của nhiên liệu hàng không theo yêu cầu kỹ thuật, chứng nhận này được sử dụng trong vận chuyển nhiên liệu hàng không và bao gồm tối thiểu các thông tin sau: ngày tháng và thời điểm xếp hàng hoặc vận chuyển; loại nhiên liệu; số lô và khối lượng riêng tại 15 °C của nhiên liệu chứa trong bể nơi xuất hàng; lượng lô hàng xuất, vận chuyển; số phiếu Chứng nhận chất lượng của nhà máy lọc dầu hoặc Chứng nhận phân tích hoặc Chứng nhận kiểm tra lại; kết luận lô hàng đáp ứng hoàn toàn yêu cầu về ngoại quan và độ dẫn điện (trong trường hợp có sử dụng phụ gia phân tán điện tĩnh SDA) theo tiêu chuẩn chất lượng áp dụng; xác nhận không có "nước tự do". Chứng nhận xuất hàng phải luôn ghi rõ ngày lập và có chữ ký của người có trách nhiệm.

13. Mẫu nhiên liệu hàng không: là phần nhiên liệu hàng không lấy được từ một vị trí hoặc nhiều vị trí trong vật chứa, đại diện cho nhiên liệu hàng không tại vị trí đó hoặc cho toàn bộ nhiên liệu trong vật chứa.

14. Mẫu thuyền trưởng: là mẫu đại diện cho lô hàng vận chuyển, mẫu được lấy tại cảng biển, nơi xếp hàng hóa xuống phương tiện tàu vận chuyển, mẫu được gửi theo

phương tiện tàu vận chuyển nhiên liệu hàng không chuyển đến nơi nhận để kiểm tra, đối chứng chất lượng khi cần thiết; mẫu thuyền trưởng có dung tích tối thiểu 03 lít (01 Gal).

15. Kiểm tra ngoại quan: là kiểm tra tại hiện trường để xác nhận nhiên liệu hàng không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về kiểm tra bề ngoài bằng mắt thường, nhiên liệu hàng không phải đúng về màu sắc và phải trong, sáng, không có tạp chất và nước không hòa tan ở nhiệt độ môi trường tại thời điểm lấy mẫu.

16. Kiểm tra trực quan: là kiểm tra ngoại quan cộng với việc sử dụng thiết bị hoặc dụng cụ thử nước bằng hóa chất để khẳng định nhiên liệu hàng không không có nước.

17. Kiểm tra đối chứng: là kiểm tra ngoại quan cộng với xác định khối lượng riêng.

18. Kiểm tra màng lọc: là phương pháp kiểm tra tạp chất dạng rắn trong mẫu nhiên liệu hàng không bằng cách cho nhiên liệu hàng không đi qua một màng lọc, sau đó cân màng lọc (phương pháp kiểm tra khối lượng) hoặc so sánh với màu chuẩn (phương pháp so màu) để xác định mức độ nhiễm bẩn của nhiên liệu hàng không.

19. Khu vực tra nạp an toàn: là những vùng với bán kính ít nhất là 03 mét (10 feet) tính từ các vị trí nạp và lỗ thông hơi trên tàu bay, các hố nạp ngầm, xe tra nạp và các ống mềm đang sử dụng.

20. Công ty cung ứng dịch vụ tra nạp nhiên liệu hàng không: là doanh nghiệp có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh xăng dầu, xuất nhập khẩu nhiên liệu hàng không và được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

21. Nước tự do: còn gọi là nước không hòa tan xuất hiện dưới dạng các hạt rất nhỏ gây nên sự vẩn đục nhiên liệu hàng không do trọng lực có thể lắng xuống và hình thành một lớp nước tại đáy của vật chứa.

22. Nước hòa tan: là nước ở trạng thái hòa tan trong dầu mỏ và các sản phẩm dầu mỏ.

23. Dây giạt bảo hiểm: là dây cáp được gắn đến van hố nạp của hệ thống tra nạp ngầm trong quá trình vận hành tra nạp nhiên liệu cho tàu bay để trong trường hợp